ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG LÊ ĐẠI HÀNH	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 1678/QĐ-UBND	*Phường Lê Đại Hành, ngày 04 tháng 8 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Đồ án Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Khu tái định cư, phường Lê Đại Hành, thành phố Hải Phòng

ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG LÊ ĐẠI HÀNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Nghị quyết số 1699/NQ-UBTVQH15 ngày 16/6/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã của thành phố Hải Phòng năm 2025;

Căn cứ Luật Xây dựng số 135/2025/QH15 của Quốc hội ngày 10/12/2025;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn ngày 26/11/2024; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn số 144/2025/QH15 ngày 11/12/2025;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Số 178/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 quy định chi tiết một số điều của luật quy hoạch đô thị và nông thôn; số 145/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quy hoạch đô thị và nông thôn; số 34/2026/NĐ-CP ngày 22/01/2026 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 178/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn;

Căn cứ Quyết định số 1216/QĐ-BXD ngày 05/08/2025 của Bộ Xây dựng về việc đính chính Nghị định số 145/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quy hoạch đô thị và nông thôn, Nghị định số 178/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn và quyết định số 18/2025/QĐ-TTg ngày 28/06/2025 của Thủ tướng Chính phủ quy định về trình tự, thủ tục phê duyệt điều chỉnh cục bộ quy hoạch đô thị và nông thôn được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức lập;

Căn cứ các Thông tư của Bộ Xây dựng: số 16/2025/TT-BXD ngày 30/06/2025 Quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn; số 43/2025/TT-BXD ngày 09/12/2025 của Bộ Xây dựng về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 16/2025/TT-BXD ngày 30/06/2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn; số 01/2021/TT-BXD ngày 19/5/2021 về việc ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng QCVN 01:2021/BXD;

Căn cứ Quyết định số 162/2025/QĐ-UBND ngày 17/9/2025 của Uỷ ban nhân dân thành phố Hải Phòng Quy định một số nội dung về quy hoạch đô thị và nông thôn; tổ chức lập, thẩm định, phê duyệt, công bố điều chỉnh cục bộ quy hoạch đô thị và nông thôn thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng;

Căn cứ Quyết định số 5455/QĐ-UBND ngày 31/12/2025 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch thành phố Hải Phòng thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 (QH-5455);

Căn cứ văn bản số 3728/VP-XDCT của Văn Phòng Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng ngày 08/4/2026 về việc giao nhiệm vụ chủ đầu tư các dự án bồi thường, hỗ trợ, giải phóng mặt bằng Dự án tuyến đường sắt tốc độ cao Hà Nội-Quảng Ninh, đoạn qua địa bàn thành phố;

Căn cứ Thông báo số 378/TB-VP của Văn Phòng Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng ngày 14/7/2026 thông báo Kết luận của Chủ tịch Ủy bân nhân dân thành phố tại cuộc họp nghe báo cáo tình hình thực hiện Dự án đường sắt tốc độ cao Hà Nội-Quảng Ninh đoạn qua địa bàn thành phố;

Thông báo số 370/TB-VP Uỷ ban nhân dân thành phố Hải Phòng ngày 06/7/2026 thông báo Kết luận của Phó Chủ tịch Uỷ ban nhân dân thành phố Trần Văn Quân tại cuộc họp nghe báo cáo chủ trương đầu tư một số dự án đầu tưu công trên địa bàn phía Tây thành phố;

Quyết định số 1673/QĐ-UBND ngày 01/08/2026 của Uỷ ban nhân dân phường Lê Đại Hành về việc phê duyệt điều chỉnh cục bộ quy hoạch chung thành phố Chí Linh tỉnh Hải Dương đến năm 2045, vị trí điều chỉnh cục bộ trên địa bàn phường Lê Đại Hành, thành phố Hải Phòng;

Quyết định số 1674/QĐ-UBND ngày 01/8/2026 của Uỷ ban nhân dân phường Lê Đại Hành về việc phê duyệt điều chỉnh cục bộ Quy hoạch phân khu phường Tân Dân, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương (tỷ lệ 1/2000) (Nay thuộc phường Lê Đại Hành, thành phố Hải Phòng);

Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng QCVN 01:2021/BXD ban hành kèm theo Thông tư số 01/2021/TT-BXD ngày 19/5/2021 của Bộ Xây dựng về việc ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng.

Xét đề nghị của Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn Hải Phòng tại tờ trình số 1628/TTr-BQLDA ngày 28/7/2026 về việc thẩm định và phê duyệt đồ án Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Khu tái định cư phường Lê Đại Hành, thành phố Hải Phòng;

Căn cứ Văn bản số 8715/SXD-QHKT ngày 31/7 /2026 của Sở Xây dựng về việc tham gia đối với đồ án Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Khu tái định cư phường Lê Đại Hành, thành phố Hải Phòng;

Theo đề nghị của phòng Xây dựng, Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 19/TTr-XDNNMT ngày 04/8/2026,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Khu tái định cư, phường Lê Đại Hành, thành phố Hải Phòng với nội dung sau:

1. Tên đồ án quy hoạch: Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Khu tái định cư, phường Lê Đại Hành, thành phố Hải Phòng.

Cơ quan tổ chức lập Quy hoạch chi tiết: Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn Hải Phòng.

Đơn vị tư vấn lập điều chỉnh cục bộ quy hoạch: Công ty Cổ phần tư vấn đầu tư xây dựng công trình công nghiệp và đô thị.

2. Vị trí, ranh giới, quy mô

- Vị trí: thuộc tổ dân phố Triều Nội, phường Lê Đại Hành, thành phố Hải Phòng.
- Phạm vi ranh giới: Phía Bắc giáp khu vực đất nông nghiệp; Phía Tây, Nam giáp khu dân cư hiện hữu và đất nông nghiệp; Phía Đông giáp trục đường quốc lộ QL37.
- Ranh giới nghiên cứu lập quy hoạch: khoảng 177.636,10 m2 (17,76ha)
- Quy mô dân số khoảng: 2.332 người (khoảng 583hộ).

3. Tính chất khu vực lập quy hoạch:

- Tính chất: Là khu tái định cư.
- Chức năng: Khu tái định cư đồng bộ theo quy hoạch được duyệt, để bố trí chỗ ở tái định cư cho các hộ dân được di dời để phục vụ cho một số dự án trên địa bàn phường.

4. Các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật:

- Tuân thủ Quy chuẩn Việt Nam QCVN 01:2021/BXD và các tiêu chuẩn quy phạm hiện hành;
- Tuân thủ chỉ tiêu quy định tại đồ án Quy hoạch phân khu phường Tân Dân, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương (tỷ lệ 1/2000).

5. Nội dung quy hoạch chi tiết:

5.1. Nội dung Quy hoạch sử dụng đất tổng thể dự án

Nội dung đồ án Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Khu tái định cư, phường Lê Đại Hành, thành phố Hải Phòng bao gồm các chức năng đất, cụ thể như sau:

+ Đất ở liền kề: có tổng diện tích 58.858,84 m2 chiếm tỷ lệ 33,1% diện tích khu vực ranh giới lập quy hoạch, có chiều cao tối đa 5 tầng, thiết kế hiện đại.

+ Đất y tế có diện tích khoảng 1.1371,33 m2, chiếm tỷ lệ 0,8% trên tổng diện tích khu vực lập quy hoạch. Tầng cao tối đa 3 tầng.

+ Đất xây dựng trường học (trường mầm non) có diện tích: 1.808.75 m2 chiếm tỷ lệ 1,0% trên tổng diện tích ranh giới lập quy hoach. Tầng cao tối đa 3 tầng.

+ Đất cây xanh công cộng có tổng diện tích 20.429,63 m2, chiếm tỷ lệ 11,5% tổng diện tích khu vực ranh giới lập quy hoạch. Là các khu đất trồng cây xanh, bồn hoa cảnh quan xung quanh các công trình.

+ Đất cây xanh chuyên dụng (cây xanh cách ly đường điện) có tổng diện tích khoảng 6.573,03m2, chiếm tỷ lệ 3,7%.

+ Đất hạ tầng kỹ thuật có tổng diện tích khoảng 7.798,17 m2 trên tổng diện tích khu vực lập quy hoạch. Là khu đất hạ tầng bố trí trạm xử lý nước thải và hành lang kỹ thuật nhà lô liền kề.

+ Đất bãi đỗ xe có diện tích khoảng 5.988,85m2 chiếm tỷ lệ khoảng 3,4% trên tổng diện tích đất lập quy hoạch.

+ Đất giao thông: tổng diện tích 70.574,55m2, chiếm tỷ lệ 39,7% diện tích khu vực ranh giới lập quy hoạch. Là hệ thống giao thông đảm bảo cho giao thông được thông suốt, kết nối với giao thông chung trong khu vực.

+ Đất mặt nước (Hồ, ao, đầm) có diện tích 4.232,95m2, chiếm tỷ lệ khoảng 2,4%. Là khu vực mặt nước cảnh quan, kênh mương hiện trạng.

- Nội dung quy hoạch sử dụng đất được thống kê chi tiết tại các bảng dưới đây:

TT	TÊN LOẠI ĐẤT	KÝ HIỆU	SỐ LÔ	DIỆN TÍCH	TỶ LỆ	MĐXD	TẦNG CAO	HSSDĐ
			(LÔ)	(M2)	(%)	(%)	TỐI ĐA (TẦNG)	(LẦN)
I	**ĐẤT Ở LIỀN KẾ PHỤC VỤ TÁI ĐỊNH CƯ**		**583**	**58.858,84**	**33,1%**			
	Đất ở liền kế	DC01	40	4.070,00		87-90	5	4,3-4,5
	Đất ở liền kế	DC02	40	4.070,00		87-90	5	4,3-4,5
	Đất ở liền kế	DC03	43	4.333,51		86-99	5	4,3-4,9
	Đất ở liền kế	DC04	52	5.270,00		87-90	5	4,3-4,5
	Đất ở liền kế	DC-05	52	5.270,00		87-90	5	4,3-4,5
	Đất ở liền kế	DC06	52	5.270,00		87-90	5	4,3-4,5
	Đất ở liền kế	DC07	50	4.875,41		87-100	5	4,3-5,0
	Đất ở liền kế	DC08	38	3.802,00		87-100	5	4,4-5,0
	Đất ở liền kế	DC09	20	2.035,00		87-100	5	4,4-5,0
	Đất ở liền kế	DC10	38	3.809,42		86-100	5	4,3-5,0
	Đất ở liền kế	DC11	38	3.898,10		86-91	5	4,3-5,0
	Đất ở liền kế	DC12	17	1.717,10		87-90	5	4,3-4,5
	Đất ở liền kế	DC13	34	3.443,30		86-100	5	4,3-4,5
	Đất ở liền kế	DC14	9	917,90		87-90	5	4,3-4,5
	Đất ở liền kế	DC15	15	1.500,00		90	5	4,5
	Đất ở liền kế	DC16	23	2.390,24		86-90	5	4,3-5,0
	Đất ở liền kế	DC17	22	2.186,86		87-100	5	4,3-5,0
II	**ĐẤT Y TẾ**	**YT01**		**1.371,33**	**0,8%**	60	3	1,80
III	**ĐẤT GIÁO DỤC (TRƯỜNG MẦM NON)**	**MG01**		**1.808,75**	**1,0%**	40	3	1,20
IV	**ĐẤT CÂY XANH CẢNH QUAN**	**CX**		**20.429,63**	**11,5%**	5	1	0,05
V	**ĐẤT CÂY XANH CHUYÊN DỤNG (CÂY XANH CÁCH LY)**	**CXCL**		**6.573,03**	**3,7%**	5	1	0,05

TT	TÊN LOẠI ĐẤT	KÝ HIỆU	SỐ LÔ	DIỆN TÍCH	TỶ LỆ	MĐXD	TẦNG CAO	HSSDĐ
			(LÔ)	(M2)	(%)	(%)	TỐI ĐA (TẦNG)	(LẦN)
VI	**ĐẤT HẠ TẦNG KỸ THUẬT**	**HTKT**		**7.798,17**	**4,4%**			
VII	**ĐẤT BÃI ĐỖ XE**	**BDX**		**5.988,85**	**3,4%**	75	3	2,25
VIII	**ĐẤT GIAO THÔNG**			**70.574,55**	**39,7%**			
IX	**ĐẤT MẶT NƯỚC (HỒ, AO, ĐẦM)**	**MN**		**4.232,95**	**2,4%**	5	1	0,05
	TỔNG			**177.636,10**	**100,0%**			

- Ghi chú:

Tổng diện tích các lô đất quy hoạch nhà ở liền kề là 58.858,84 m2 được chia thành 583 thửa đất. Các thửa đất có chỉ giới xây dựng trùng với chỉ giới đường đỏ của đường và lùi đằng sau thửa đất để đảm bảo tuân thủ mật độ xây dựng theo quy định tại bảng 2.8 Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng QCVN 01:2021/BXD (Thống kê chi tiết các lô đất ở tại phụ lục kèm theo).

5.2. Quy hoạch không gian kiến trúc cảnh quan

- Gắn kết chặt chẽ khu vực quy hoạch với các khu đô thị lân cận và hạ tầng kỹ thuật, môi trường.

- Tổ chức không gian kiến trúc cảnh quan tuân thủ: Đảm bảo mỹ quan và công năng sử dụng; hình thành tổng thể kiến trúc hiện đại, đáp ứng tiêu chuẩn đô thị.

- Khai thác có hiệu quả quỹ đất, bảo vệ tài nguyên - môi trường.

- Kiến trúc: Các công trình nhà ở có hình thức kiến trúc hiện đại, phù hợp với kiến trúc các dự án lân cận và kiến trúc khu vực.

- Cảnh quan: bố trí không gian cảnh quan hài hoà với không gian cảnh quan đô thị hiện hữu và cảnh quan các dự án lân cận.

5.3. Quy hoạch hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật

5.3.1. Giao thông

a. Giao thông đối ngoại

- Mặt cắt 1-1 (quốc lộ 37): chiều rộng lộ giới Bn=27,0m (lòng đường B=17,0m; vỉa hè H=2x5,0m) .

- Mặt cắt 2-2: chiều rộng lộ giới Bn=27,0m (lòng đường B=2x7,5m=15,0m; vỉa hè H=2x5,0m=10,0m; dải phân cách D=2,0m.

b. Giao thông trong khu vực quy hoạch

- Mặt cắt 3-3: chiều rộng lộ giới Bn=20,5m-21,5m (lòng đường B=10,5m-11,5m; vỉa hè H=2x5,0m=10,0m).

- Mặt cắt 4-4: chiều rộng lộ giới Bn=17,5m (lòng đường B=7,5m; vỉa hè H=2x5,0m=10,0m).

- Mặt cắt 5-5: chiều rộng lộ giới Bn=13,5m (lòng đường B=7,5m, vỉa hè H=2x3,0m=6,0m).

- Mặt cắt 6-6: chiều rộng lộ giới Bn=12,5m (lòng đường B=7,5m, hè trái H=5,0m).

Mặt cắt 6'-6': chiều rộng lộ giới Bn=12,5m (lòng đường B=7,5m, hè phải H=5,0m).

- Bãi đỗ xe: bố trí 04 bãi đỗ xe với tổng diện tích khoảng 5.988,85m2

5.3.2 Cao độ nền xây dựng (hệ cao độ quốc gia)

- Lựa chọn cao độ nền xây dựng ≥+3,50m.

5.3.3. Thoát nước mưa

- Thiết kế mạng lưới thoát nước mưa riêng thoát nước thải.

- Nước mưa thoát ra hệ thống cống trên các trục đường giao thông.

- Hướng thoát: giai đoạn đầu thoát ra các tuyến kênh mương hiện trạng, giai đoạn sau thoát ra tuyến cống thoát nước mưa quy hoạch.

- Quy hoạch các tuyến mương thủy lợi kết nối với tuyến mương hiện trạng, đảm bảo tiêu thoát nước cho khu vực nghiên cứu.

Cống thoát nước là cống tròn đường kính D400 đến D1500.

5.3.4. Cấp nước

- Nguồn cấp: từ trạm cấp nước Tân Dân thuộc công ty TNHH MTV nước sạch Tân Dân

- Mạng lưới đường ống: Mạng lưới đường ống cấp nước bao gồm các tuyến ống HDPE DN160 ÷ DN40.

- Mạng lưới cấp nước chữa cháy là mạng lưới áp lực thấp kết hợp với mạng lưới cấp nước sinh hoạt.

5.3.5. Cấp năng lượng (cấp điện) và chiếu sáng

- Nguồn điện: Từ trạm biến áp 110kV Nam Sách

- Trạm biến áp: Quy hoạch 03 trạm biến áp công suất 560kVA đến 2x630kVA cấp nguồn cho khu vực, bố trí trạm nằm trong khu vực cây xanh

- Lưới cao áp: Giữ nguyên hướng tuyến 220kVA từ NMNĐ Phả Lại đoạn cắt qua ranh giới.

- Lưới trung áp:

+ Giữ nguyên tuyến điện ngầm 22kV trục 473-E8.24 (trạm 110kV Nam Sách) tiết diện AL/XPL/PVC/DSTA/PVC 3x300mm2 đi dọc theo hè quốc lộ 37

+ Di chuyển và hạ ngầm tuyến điện nổi 22kV hiện trạng trục 478-E8.5 (trạm 110kV Chí Linh) tiết diện AC95mm2 chạy cắt qua ranh giới nghiên cứu theo hướng Đông Bắc - Tây Nam xuống vỉa hè quy hoạch và thay bằng tuyến cáp ngầm 22kV-AL/XPLE/PVC/DSTA/PVC 3x240mm2

+ Quy hoạch tuyến cáp ngầm 22kV-AL/XPLE/PVC/DSTA/PVC 3x70mm2 từ điểm đấu cấp nguồn cho TBA 3

- Trong quá trình xây dựng và hoạt động phải đảm bảo hành lang bảo vệ an toàn lưới điện 220kV theo đúng quy định.

- Điểm đấu: Bố trí 01 điểm đấu nối 22kV cấp nguồn cho khu vực nghiên cứu từ đường cáp ngầm hoàn trả nhánh lộ trục 478-E8.5

- Chiếu sáng: Nguồn cấp điện chiếu sáng được lấy từ trạm biến áp quy hoạch TBA 2. Sử dụng đèn Led tiết kiệm năng lượng.

5.3.6. Thoát nước thải, quản lý chất thải rắn

- Thoát nước thải:

+ Hệ thống thoát nước thải được thiết kế riêng.

+ Giai đoạn đầu: toàn bộ được thu gom bằng cống D200, D300 và đưa về trạm xử lý nước thải tập trung, sau xử lý đạt chuẩn theo QCVN 14:2025/BTNMT sẽ đấu nối vào hệ thống thoát nước chung.

+ Giai đoạn sau: khi hệ thống thoát nước thải mạng ngoài được đầu tư xây dựng, nước thải của dự án sẽ được đấu nối vào tuyến cống D300 dưới hè đường QL37, Phía Đông khu vực nghiên cứu và đưa về TXL tập trung (theo QHPK đã được phê duyệt).

+ Bố trí 01 trạm xử lý ngầm đặt tại ô đất HTKT.

- Quản lý chất thải rắn:

+ Phân loại CTR ngay từ nguồn phát thải thành vô cơ (thu gom định kỳ) và hữu cơ (thu gom hằng ngày). Bố trí điểm tập kết chất thải rắn (thùng rác) tại các vị trí cây xanh, đường dạo để thuận tiện thu gom.

+ Chất thải rắn sinh hoạt được vận chuyển về khu xử lý CTR tập trung cấp Phường hoặc cấp Thành phố theo đúng quy định.

5.3.7. Hạ tầng viễn thông thụ động

- Hệ thống thông tin liên lạc được thiết kế phù hợp để đấu nối với mạng viễn thông hiện có của các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ viễn thông trên địa bàn phường Lê Đại Hành; đáp ứng đủ dung lượng cho nhu cầu sử dụng dịch vụ của các tổ chức, cá nhân hoạt động trong khu vực quy hoạch.

Điều 2. Trách nhiệm của các đơn vị có liên quan và tổ chức thực hiện:

- Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình Nông nghiệp và phát triển nông thôn Hải Phòng, Đơn vị tư vấn lập Quy hoạch: chịu trách nhiệm về tính chính xác của số liệu, hồ sơ trình thẩm định, phê duyệt; sau khi đồ án được phê duyệt, tổ chức thực hiện các bước tiếp theo theo đúng quy định của pháp luật.

- Giao Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn Hải Phòng phối hợp với phòng Xây dựng, Nông nghiệp và Môi trường phường và các cơ quan liên quan công bố công khai đồ án Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Khu tái định cư, phường Lê Đại Hành, thành phố Hải Phòng đã

được phê duyệt.

- Đồ án Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Khu tái định cư, phường Lê Đại Hành, thành phố Hải Phòng được duyệt là căn cứ để lập dự án đầu tư xây dựng và quản lý xây dựng theo quy hoạch.

Điều 3. Chánh Văn phòng HĐND và UBND phường; Trưởng phòng Xây dựng, Nông nghiệp và Môi trường; Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Hải Phòng và lãnh đạo các cơ quan, đơn vị có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Văn phòng UBND thành phố;
- Sở Xây dựng thành phố;
- Thường trực Đảng ủy;
- Trường trực HĐND phường;
- Chủ tịch, các PCT UBND phường;

} (để bc)

- Lưu: VT, XDNNMT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

U.B.N.D PHƯỜNG LÊ ĐẠI HÀNH T.P HẢI PHÒNG

Dương Thành Công